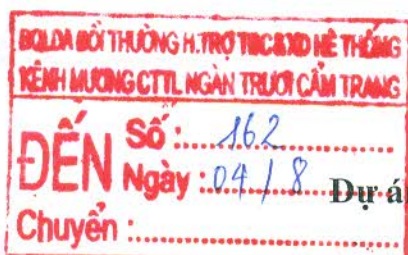


Số: **1731** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày **02** tháng 8 năm 2011



**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Phê duyệt Kế hoạch đấu thầu đợt 1**

**Tiểu dự án Hệ thống kênh**

**Dự án: Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang, tỉnh Hà Tĩnh**

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008; số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Bộ);

Căn cứ Luật Đấu thầu số 61/2005/QH11 ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/2/2009, số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về quản lý dự án đầu tư (DABT) xây dựng công trình; số 85/2008/NĐ-CP ngày 15/10/2008 hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ văn bản số 2145/VPCP-NN ngày 20/4/2007 của Văn phòng Chính phủ về việc lựa chọn nhà thầu tư vấn lập thiết kế kỹ thuật và dự toán Dự án hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ các Quyết định của Bộ: số 1087a/QĐ-BNN-XD ngày 24/5/2011 phê duyệt DABT xây dựng công trình Tiểu dự án (TDA) Hệ thống kênh; số 2957/QĐ-BNN-XD ngày 04/11/2010 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung DABT TDA công trình đầu mối hồ chứa nước Ngàn Trươi thuộc dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang, tỉnh Hà Tĩnh;

Xét Tờ trình số 86/TTr-BQLDA ngày 15/6/2011 của Ban Quản lý dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng hệ thống kênh mương công trình thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang (Ban QLDA Kênh) xin phê duyệt Kế hoạch đấu thầu đợt 1, TDA Hệ thống kênh thuộc dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình kèm các Báo cáo thẩm định số 713/XD-CĐ ngày 19/7/2011, số 763/XD-CĐ ngày 02/8/2011 và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch đấu thầu đợt 1 TDA Hệ thống kênh thuộc dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang, tỉnh Hà Tĩnh gồm 17 gói thầu, có tổng giá trị là **799.047.323.000 đồng** với các nội dung chính sau:

**I. PHÂN CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN:**

Gồm 03 gói thầu thuộc chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng (giai đoạn chuẩn bị đầu tư), với tổng giá trị: **17.748.437.000 đồng** (như Phụ lục 1 Kèm theo).

## **II. PHẦN CÔNG VIỆC KHÔNG ÁP DỤNG HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU:**

Gồm 7 nội dung công việc, với tổng giá trị: **200.255.606.000 đồng**, trong đó:

- Chi phí quản lý dự án: 21.627.530.000 đồng
  - Chi phí khác: 6.786.076.000 đồng
  - Chi phí dự phòng: 171.852.000.000 đồng.
- (như Phụ lục 2 Kèm theo).

## **III. PHẦN KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU:**

### **A-Biểu kế hoạch đầu thầu**

Gồm 14 gói thầu, với tổng giá trị: **581.043.280.000 đồng**, trong đó:

- Các gói thầu tư vấn: 06 gói, với giá trị: 150.753.280.000 đồng.
- Các gói thầu xây lắp: 06 gói, với giá trị: 425.000.000.000 đ
- Các gói thầu Chi phí khác: 03 gói, với giá trị: 5.290.000.000 đ

Tên gói thầu, giá gói thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức đấu thầu, thời gian lựa chọn nhà thầu, hình thức hợp đồng và thời gian thực hiện hợp đồng có phụ lục 3 kèm theo.

### **B-Nội dung Kế hoạch đầu thầu (KHĐT)**

#### **1- Tên gói thầu và cơ sở phân chia các gói thầu:**

- Tên, ký hiệu gói thầu: Tên gói thầu được đặt theo nội dung công việc của gói thầu; ký hiệu gói thầu viết tắt theo cơ cấu gói thầu (TV, XL, CK), có gắn số thứ tự để thuận tiện tổng hợp, theo dõi.

- Cơ sở phân chia gói thầu:

Việc phân chia các gói thầu căn cứ trên cơ sở tính chất kỹ thuật của từng hạng mục công trình, kế hoạch tiến độ dự án, khả năng nguồn vốn, đặc điểm địa hình khu vực xây dựng công trình và mặt bằng tổ chức thi công.

#### **2- Giá gói thầu:**

Giá các gói thầu (không bao gồm chi phí dự phòng): căn cứ theo Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 1078a/QĐ-BNN-XD ngày 24/6/2011 của Bộ.

Khi triển khai thực hiện, chủ đầu tư (Ban QLDA Kênh) phải tổ chức lập, phê duyệt dự toán gói thầu cụ thể theo đúng các quy định hiện hành. Trường hợp dự toán gói thầu tăng cao hơn so với giá gói thầu đã duyệt trong kế hoạch đầu thầu thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét thầu mà không phải làm thủ tục điều chỉnh giá gói thầu trong kế hoạch đầu thầu đã duyệt, với điều kiện phần vượt đó nằm trong giới hạn tỷ lệ % giá trị dự phòng tương ứng trong tổng mức đầu tư đã được Bộ phê duyệt (bao gồm dự phòng cho khối lượng và dự phòng trượt giá).

**3- Nguồn vốn:** Ngân sách Trung ương từ nguồn Trái phiếu Chính phủ.

#### **4 - Hình thức lựa chọn nhà thầu và phương thức đấu thầu:**

a) *Hình thức lựa chọn nhà thầu:*

- Các gói thầu Tư vấn: Gói thầu Tư vấn thiết kế (TV01), thực hiện chỉ định thầu theo văn bản số 2145/VPCP-NN ngày 20/4/2007 của Văn phòng Chính phủ; Các gói thầu Tư vấn khác: gồm 04 gói chỉ định thầu, 01 gói đấu thầu rộng rãi;
- Các gói thầu xây lắp: gồm 06 gói đấu thầu rộng rãi trong nước;
- Các gói thầu chi khác: gồm 01 gói chỉ định thầu, 01 gói đấu thầu rộng rãi.

Việc chỉ định thầu thực hiện theo quy trình hiện hành. Trước khi thực hiện chỉ định thầu đối với các gói thầu được phép thực hiện chỉ định thầu, dự toán đối với gói thầu phải được phê duyệt theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm việc chỉ định thầu hiệu quả hơn đấu thầu.

b) *Phương thức đấu thầu:* 01 túi hồ sơ và 02 túi hồ sơ (gói TV05).

**5- Thời gian lựa chọn nhà thầu:** từ năm 2011.

Do nguồn vốn hiện tại chưa đủ để bố trí cho các gói thầu trong kế hoạch 2011, nên các gói thầu chưa xác định thời gian lựa chọn nhà thầu, trừ gói thầu tư vấn thiết kế, thẩm tra TKKT, BVTC-dự toán, giám sát đánh giá đầu tư và Rà phá bom mìn vật nổ được thực hiện ngay (thực hiện theo tiến độ và vốn). Các gói thầu chỉ tổ chức đấu thầu khi kế hoạch vốn được bố trí cho gói thầu. Trước khi triển khai lựa chọn nhà thầu các gói thầu xây lắp, chủ đầu tư phải xin ý kiến của Bộ.

**6- Hình thức hợp đồng:** Các gói thầu tư vấn theo tỷ lệ phần trăm hoặc theo đơn giá điều chỉnh (đối với công tác khảo sát). Các gói thầu xây lắp theo đơn giá điều chỉnh. Gói thầu thi công rà phá BMVN theo đơn giá cố định.

**7- Thời gian thực hiện hợp đồng:** Theo tính chất gói thầu và Căn cứ quyết định phê duyệt dự án đầu tư để xác định thời gian thực hiện hợp đồng cụ thể cho các gói thầu đảm bảo hiệu quả đầu tư.

**Điều 2.** Giao chủ đầu tư, căn cứ chức năng nhiệm vụ, tổ chức triển khai lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng thực hiện theo đúng các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng; Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình; Vụ trưởng các Vụ: Tài chính, Kế hoạch; Trưởng ban Quản lý dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng hệ thống kênh mương công trình thủy lợi Ngân Trươi - Cẩm Trang (Ban QLDA Kênh) và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Kho Bạc NN Hà Tĩnh;
- Lưu VT, XD (7b).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Hoàng Văn Thắng**

**PHỤ LỤC 1. PHÂN CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN**

(Kèm theo Quyết định số **1731** /QĐ-BNN-XD ngày **02/8/2011** của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT)

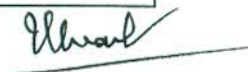
| TT                            | Nội dung công việc hoặc tên gói thầu           | Đơn vị thực hiện                           | Giá trị thực hiện (đồng) | Hình thức hợp đồng                                         | Thời gian thực hiện  | Số văn bản phê duyệt                                                                   |
|-------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                             | Khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng công trình | Tổng công ty TVXD thủy lợi Việt Nam - CTCP | 16,190,302,000           | Theo đơn giá (Phần khảo sát)<br>Theo tỷ lệ % (Phần lập DA) | Từ 6/2007 đến 5/2011 | 2145/VPCP-NN ngày 20/4/2007; 744/BNN-XD ngày 20/3/2007; 1087a/QĐ-BNN-XD ngày 24/5/2011 |
| 2                             | Thẩm tra dự án đầu tư                          | Công ty TNHH TVXD Hồng Hà                  | 718,359,000              | Theo tỷ lệ %                                               | Từ 9/2009 đến 5/2011 | 1378/XD-TĐ ngày 14/8/2009; 1087a/QĐ-BNN-XD ngày 24/5/2011                              |
| 3                             | Phản biện kỹ thuật dự án đầu tư (2 đợt)        | Trung tâm TVKH-CN PT tài nguyên nước       | 839,776,000              | Theo dự toán                                               | Từ 9/2009 đến 5/2011 | 1378/XD-TĐ ngày 14/8/2009; 1087a/QĐ-BNN-XD ngày 24/5/2011                              |
| <b>Tổng giá trị thực hiện</b> |                                                |                                            | <b>17,748,437,000</b>    |                                                            |                      |                                                                                        |

*[Signature]*

**PHỤ LỤC 2. PHẦN CÔNG VIỆC KHÔNG ÁP DỤNG HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

(Kèm theo Quyết định số **1731** /QĐ-BNN-XD ngày **02/8/2011** của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT)

| TT                     | Nội dung công việc                               | Đơn vị thực hiện                    | Giá trị thực hiện (đồng) |
|------------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| 1                      | Đánh giá HSĐX, HSDT                              | Ban QLDA Hệ thống kênh (chủ đầu tư) | 414,000,000              |
| 2                      | Lệ phí thẩm định kết quả đấu thầu xây lắp        | Ban QLDA Hệ thống kênh (chủ đầu tư) | 285,000,000              |
| 3                      | Thẩm tra, phê duyệt quyết toán                   | Bộ Nông nghiệp và PTNT              | 1,639,570,000            |
| 4                      | Chi phí Quản lý dự án                            | Ban QLDA Hệ thống kênh (chủ đầu tư) | 21,617,530,000           |
|                        | Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư của chủ đầu tư | Ban QLDA Hệ thống kênh (chủ đầu tư) | 4,323,506,000            |
| 5                      | Lệ phí Thẩm định dự án đầu tư                    | Cục Quản lý XDCT                    | 124,000,000              |
| 6                      | Dự phòng                                         |                                     | 171,852,000,000          |
| Tổng giá trị thực hiện |                                                  |                                     | 200,255,606,000          |



**PHỤ LỤC 3. PHẦN KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU**

(Kèm theo Quyết định số **1731** /QĐ-BNN-XD ngày **02**/8/2011 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT)

| TT       | Tên gói thầu                                                                                                                                               | Ký hiệu gói thầu | Giá gói thầu (1.000 đồng) | Nguồn vốn            | Hình thức lựa chọn nhà thầu                      | Phương thức đấu thầu | Thời gian lựa chọn nhà thầu | Hình thức hợp đồng                                            | Thời gian thực hiện hợp đồng                                     |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------|----------------------|--------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Các gói thầu Tư vấn</b>                                                                                                                                 |                  | <b>150,753,280</b>        |                      |                                                  |                      |                             |                                                               |                                                                  |
| 1        | Khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật (TKKT), thiết kế bản vẽ thi công (BVTC) và dự toán của Tiểu dự án (gồm cả thí nghiệm mô hình thủy lực đập tràn, xi phông). | TV01             | 145,553,730               | Trái phiếu Chính phủ | Chỉ định thầu theo VB số 2145/VPCP-NN, 20/4/2007 | 01 túi hồ sơ         | Quý III/2011                | Theo đơn giá ĐC (Phần khảo sát), theo tỷ lệ % (Phần thiết kế) | 12 tháng                                                         |
| 2        | Thẩm tra TKKT, thiết kế BVTC - dự toán                                                                                                                     | TV02             | 1,928,300                 |                      | Chỉ định thầu                                    | 01 túi hồ sơ         | Quý III/2011                | Theo tỷ lệ phần trăm                                          | 12 tháng                                                         |
| 3        | Lập hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu                                                                                                                          | TV03             | 276,000                   |                      | Chỉ định thầu                                    | 01 túi hồ sơ         | Quý III, IV/2011            | Theo tỷ lệ phần trăm                                          | 20 ngày                                                          |
| 4        | Giám sát thi công rà phá BM                                                                                                                                | TV04             | 24,000                    |                      | Chỉ định thầu                                    | 01 túi hồ sơ         | Quý III, IV/2011            | Theo tỷ lệ phần trăm                                          | 30 ngày                                                          |
| 5        | Giám sát thi công kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K0-K6+980                                                                                                  | TV05             | 2,911,250                 |                      | Đấu thầu rộng rãi trong nước                     | 01 túi hồ sơ         | Theo KH vốn được bố trí     | Theo tỷ lệ phần trăm                                          | Từ khi khởi công xây dựng đến khi hoàn thành bàn giao công trình |
| 6        | Khảo sát, lập phương án và dự toán RPB                                                                                                                     | TV06             | 60,000                    |                      | Chỉ định thầu                                    | 01 túi hồ sơ         | Quý III, IV/2011            | Theo tỷ lệ phần trăm                                          | 30 ngày                                                          |

*[Signature]*

| TT                                 | Tên gói thầu                                                          | Ký hiệu gói thầu | Giá gói thầu (1.000 đồng) | Nguồn vốn            | Hình thức lựa chọn nhà thầu  | Phương thức đấu thầu | Thời gian lựa chọn nhà thầu | Hình thức hợp đồng | Thời gian thực hiện hợp đồng                                    |
|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------|----------------------|-----------------------------|--------------------|-----------------------------------------------------------------|
| <b>II</b>                          | <b>Các gói thầu Xây lắp</b>                                           |                  | <b>425,000,000</b>        | Trái phiếu Chính phủ |                              |                      |                             |                    |                                                                 |
| 1                                  | Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K0÷K1+052,2     | XL1              | 45,000,000                |                      | Đấu thầu rộng rãi trong nước | 01 túi hồ sơ         | Theo KH vốn được bố trí     | Theo ĐG điều chỉnh | 24 tháng                                                        |
| 2                                  | Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K1+052,2-K2+280 | XL2              | 45,000,000                |                      | Đấu thầu rộng rãi trong nước | 01 túi hồ sơ         | Theo KH vốn được bố trí     | Theo ĐG điều chỉnh | 24 tháng                                                        |
| 3                                  | Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K2+280-K3+600   | XL3              | 120,000,000               |                      | Đấu thầu rộng rãi trong nước | 01 túi hồ sơ         | Theo KH vốn được bố trí     | Theo ĐG điều chỉnh | 30 tháng                                                        |
| 4                                  | Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K3+600-K4+794   | XL4              | 110,000,000               |                      | Đấu thầu rộng rãi trong nước | 01 túi hồ sơ         | Theo KH vốn được bố trí     | Theo ĐG điều chỉnh | 30 tháng                                                        |
| 5                                  | Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K4+794-K5+600   | XL5              | 60,000,000                |                      | Đấu thầu rộng rãi trong nước | 01 túi hồ sơ         | Theo KH vốn được bố trí     | Theo ĐG điều chỉnh | 30 tháng                                                        |
| 6                                  | Kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K5+600 - K6+980 | XL6              | 45,000,000                |                      | Đấu thầu rộng rãi trong nước | 01 túi hồ sơ         | Theo KH vốn được bố trí     | Theo ĐG điều chỉnh | 30 tháng                                                        |
| <b>III</b>                         | <b>Các gói thầu chi phí khác</b>                                      |                  | <b>5,290,000</b>          |                      |                              |                      |                             |                    |                                                                 |
| 1                                  | Thi công RPBМ, VN (73ha)                                              | CK1              | 2,400,000                 |                      | Chỉ định thầu                | 01 túi hồ sơ         | Quý III, IV/2011            | Theo ĐG cố định    | 30 ngày                                                         |
| 2                                  | Bảo hiểm xây dựng công trình Kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K0-K6+980  | CK2              | 2,890,000                 |                      | Đấu thầu rộng rãi trong nước | 01 túi hồ sơ         | Theo KH vốn được bố trí     | Trọn gói           | Từ khi khởi công xây dựng đến hết thời gian bảo hành công trình |
| <b>Tổng cộng giá các gói thầu:</b> |                                                                       |                  | <b>581,043,280</b>        |                      |                              |                      |                             |                    |                                                                 |